

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 49/2026/HS-ST

Ngày: 21-4-2026

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vũ và ông Lê Xuân Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

Hồ Văn T, sinh ngày: 01/01/2000, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn X, xã A, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Vân kiều; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn L, sinh năm: 1984 và bà Hồ Thị D, sinh năm 1984; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Hướng Hoá thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Q. Có mặt.

Hồ Văn H, sinh ngày: 03/6/1996, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn X, xã A, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Vân kiều; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn T1 (đã chết) và bà Hồ Thị T2, sinh năm 1979; Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Hồ Thị Ta M, sinh năm 1995; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T: Ông Lê Đình Minh N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T3 tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H: Bà Lê Thị Thùy L1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T3 tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Bị hại: Bà Phan Thị L2, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn X, xã A, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Q, sinh năm 1976; Nơi cư trú: thôn C, xã K, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt không có lý do.

Bà Hồ Thị L3, sinh năm 1984; Nơi cư trú: thôn X, xã A, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt không có lý do.

Người phiên dịch: Ông Hồ Quốc P; Nơi cư trú: thôn E, xã K, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 12/9/2025, Hồ Văn T đi bộ ngang qua nhà ông Nguyễn Thanh L4, bà Phan Thị L2 tại thôn X, xã A, tỉnh Quảng Trị thì thấy khoá cổng, nghĩ trong nhà không có ai nên nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Quan sát xung quanh không có người, T đi ra phía sau nhà rồi trèo qua tường rào thì thấy cửa ra vào nhà bếp không khóa, T đột nhập vào bên trong, đi đến vị trí phòng ngủ để lục tìm tài sản. Khi mở cánh cửa tủ quần áo thì có một chiếc tất màu vàng rơi xuống sàn nhà phát ra tiếng động, T nhặt lên kiểm tra thấy bên trong có một sợi dây chuyền vàng được đặt trong hộp nhựa hình tròn màu cam đỏ nên cất vào túi quần rồi đi ra hướng Tỉnh lộ 586. Tại đây, T gặp Hồ Văn H, lấy tài sản vừa trộm cắp được đưa cho H và hỏi “*Có biết bán cái ni không?*”, H xem rồi nói “*Vàng thiệt, ở mô mà có?*”, T trả lời “*Trộm ở nhà L4*”, lúc này H nói “*Đi bán đi*”, T đồng ý, lấy hộp nhựa đựng dây chuyền vàng cất vào túi quần của mình rồi cả hai đi bộ về nhà H. H tự ý lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Blade, biển kiểm soát 74H1-360.18 của bà Hồ Thị L3 (sinh năm 1984, trú tại thôn X, xã A; là mẹ kế của H) chở T đi đến tiệm V ở chợ K (thuộc thôn C xã K, tỉnh Quảng Trị) để hỏi bán sợi dây chuyền vừa trộm cắp được. Ông Hoàng Q là chủ tiệm vàng không hỏi nguồn gốc và trả giá 19.800.000 đồng thì cả hai đồng ý. Sau khi mua sợi dây chuyền vàng nói trên, ông Q đã cho thợ tái chế, gia công lại thành các sản phẩm vàng khác để bán, do đó Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Số tiền có được do bán dây chuyền vàng, T lấy 10.000.000 đồng và chia cho H 9.800.000 đồng. Cả hai đã tiêu xài cá nhân hết số tiền đó.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 05/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã A, kết luận: “*01 sợi dây chuyền kim loại vàng 23K, trọng lượng 02 chỉ có trị giá là 22.800.000 đồng*”.

Vật chứng tạm giữ, gồm:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blade, số khung: RLHJA3689NY012509, số máy JA36E1038158, biêm kiểm soát 74H1-306.18.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phan Thị L2 yêu cầu Hồ Văn T và Hồ Văn H bồi thường số tiền 22.800.000 đồng. Ông Hồ Văn L (bố của Hồ Văn T) đã bồi thường cho bà Phan Thị L2 số tiền 5.800.000 đồng. Hồ Văn H chưa thực hiện yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSQTI-KV ngày 12/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Hồ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Hồ Văn H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hồ Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Hồ Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Hồ Văn T và Hồ Văn H phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 17.200.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Miễn án phí hình sự, dân sự cho bị cáo H.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 12/9/2025, tại thôn X, xã A, tỉnh Quảng Trị bị cáo Hồ Văn T lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản có hành vi lén lút trộm cắp 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 23K, trọng lượng 02 chỉ của bà Phan Thị L2. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 05/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã A, kết luận: *“01 sợi dây chuyền kim loại vàng 23K, trọng lượng 02 chỉ có trị giá là 22.800.000 đồng”*. Hành vi của bị cáo Hồ Văn T đã phạm vào tội *“Trộm cắp tài sản”*, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hồ Văn H mặc dù không hứa hẹn trước với bị cáo Hồ Văn T nhưng khi biết tài sản nói trên do Hồ Văn T trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng T đưa đến tiệm V tại chợ K (*thuộc thôn C, xã K, tỉnh Quảng Trị*) bán với giá 19.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo Hồ Văn H đã phạm tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét về tính chất, hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Hồ Văn T về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Hồ Văn H về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hồ Văn T và Hồ Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó cần áp dụng tình tiết “*Người phạm tội đã thành khẩn khai báo*”; “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” được quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hồ Văn T trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại bà Phan Thị L2 số tiền 5.800.000 đồng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội bồi thường thiệt hại*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ, hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Hồ Văn T, Hồ Văn H đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên xử phạt bị cáo T ngang mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục. Đối với bị cáo H xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Tiếp tục tạm giam bị cáo Hồ Văn T trong thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[8] Cần huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đối với bị cáo Hồ Văn H.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi Hồ Văn T trộm cắp 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 23K, trọng lượng 02 chỉ của bà Phan Thị L2 thì gặp Hồ Văn H và cả hai đưa sợi dây chuyền ra chợ K bán cho ông Hoàng Q với giá 19.800.000 đồng. Số tiền có được do bán dây chuyền vàng, T lấy 10.000.000 đồng và chia cho H 9.800.000 đồng. Bà Phan Thị L2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trị giá sợi dây chuyền là 22.800.000 đồng theo kết luận của Hội đồng định giá. Nên căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Hồ Văn T và Hồ Văn H phải liên đới bồi thường cho bà Phan Thị L2 số tiền 22.800.000 đồng, phần của mỗi bị cáo là 11.400.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho bà Phan Thị L2 số tiền 5.800.000 đồng nên cần buộc bị cáo T phải tiếp tục bồi thường cho bà Phan Thị L2 số tiền 5.600.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blade, số khung: RLHJA3689NY012509, số máy JA36E1038158, biển kiểm soát 74H1-306.18 xe đã qua sử dụng mang tên Trần Quang L5, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn D, xã K, tỉnh Quảng Trị. Quá trình điều tra ông Trần Quang L5 khai ông L5 là chủ sở hữu chiếc xe nói trên nhưng

đến cuối năm 2022 do không có nhu cầu sử dụng nên ông L5 bán lại cho bà Hồ Thị L3, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn X, xã A, tỉnh Quảng Trị, khi bán xe ông L5 đã giao giấy đăng ký xe và có lập giấy bán xe. Bà Hồ Thị L3 mua lại xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên, do đó bà Hồ Thị L3 là người đang quản lý hợp pháp chiếc xe nói trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Hồ Thị L3 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blade, số khung: RLHJA3689NY012509, số máy JA36E1038158, biển kiểm soát 74H1-306.18 theo Quyết định xử lý vật chứng số C1081/QĐ-VPCQCSĐT ngày 03/02/2026 là đúng quy định pháp luật.

[11] Về các vấn đề khác:

Đối với ông Hoàng Q khi giao dịch mua sợi dây chuyền nói trên không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Đối với bà Hồ Thị L3, ngày 12/9/2025 bà L3 không biết Hồ Văn H lấy xe mô tô biển kiểm soát 74H1-306.18 để sử dụng vào việc phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

[12] Về án phí: Tại phiên toà, các bị cáo có đơn xin miễn án phí do bản thân là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Hồ Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn T **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 16/12/2025).

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hồ Văn H **09 (Chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18 (Mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/4/2026).

Giao bị cáo Hồ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Quảng Trị để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo Hồ Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Hồ Văn T và Hồ Văn H phải liên đới bồi thường cho bà Phan Thị L2 số tiền **22.800.000** đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng*), phần của mỗi bị cáo là **11.400.000** đồng (*Mười một triệu, bốn trăm ngàn đồng*). Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường số tiền **5.800.000** đồng nên cần buộc bị cáo T phải tiếp tục bồi thường cho bà Phan Thị L2 số tiền **5.600.000** đồng (*Năm triệu sáu trăm ngàn đồng*), buộc bị cáo Hồ Văn H phải bồi thường số tiền **11.400.000** đồng (*Mười một triệu, bốn trăm ngàn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 12/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Hồ Văn T và Hồ Văn H.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/4/2026); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Hồ sơ Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Sơn